

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **71/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: **02 - 8 - 2019.**

V/v: “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Lệ Nga**

Ông Cao Trọng Mạnh

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Bà Đào Thị Ngọc Trâm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018 về “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Thái D;** sinh năm 1988 (*Có mặt*)

HKTT: Ấp L, xã T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khóm 1, thị trấn G, huyện H, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: **Chị Võ Thị T;** sinh năm 1990 (*Có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 373/4 đường C, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thái D trình bày:**

Anh và chị Võ Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/02/2009.

Quá trình chung sống giữa anh và chị T phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn; nguyên nhân là do chị T không chung thủy, anh phát hiện biết được chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, chị T đã thừa nhận xin anh bỏ qua nhưng anh không đồng ý và bỏ đi nơi khác làm ăn, sinh sống từ năm 2016, vợ chồng anh cũng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh D xác định quá trình chung sống giữa anh và chị T có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L- sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Phương D1- sinh ngày 25/6/2015; hiện đang sống cùng chị T. Anh D yêu cầu giao cháu L và cháu D1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D xác định quá trình chung sống giữa anh và chị T không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2019, bị đơn chị Võ Thị T trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Thái D tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2008, đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc và có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L- sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Phương D1- sinh ngày 25/6/2015. Tuy nhiên đến tháng 8/2016 thì anh D nói phải đi ghe thu mua để kiếm tiền lo cho vợ con, đi được 02 chuyến thì anh D không liên lạc và cũng không về nhà, chị T đã nhiều lần liên lạc nhưng anh D vẫn không về và không thăm con; sau đó thì chị tìm hiểu được biết anh D đã chung sống với người phụ nữ khác, bỏ bê vợ con, không liên lạc với gia đình từ đó cho đến nay.

Nay anh D khởi kiện xin ly hôn, ý kiến của chị T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T đồng ý ly hôn với anh D.
- Về con chung: Chị T thống nhất yêu cầu của anh D về việc giao 02 (Hai) con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.
- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Biên bản lập ngày 02/7/2019, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Thị Ngọc L (con chung giữa anh D và chị T) như sau:** Cháu L có nguyện vọng được sống cùng với chị T nếu cha mẹ cháu ly hôn.

**** Tại phiên tòa:***

Anh Nguyễn Thái D xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T cũng như yêu cầu về việc nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con; ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Chị Võ Thị T có đơn đề ngày 02/7/2019 xác định giữ nguyên ý kiến đã trình bày, yêu cầu không hòa giải đoàn tụ cho chị và anh D; đồng thời xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử và trong hồ sơ vụ án không có quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án. Diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh D và chị T; đồng thời đề nghị giao hai người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung, anh D và chị T xác định không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Thái D khởi kiện xin ly hôn với bị đơn chị Võ Thị T; địa chỉ cư trú tại: Số 373/4 đường C, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" và theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn chị Võ Thị T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thái D đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thái D và chị Võ Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND xã

T, huyện Q, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/02/2009, nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thái D và ý kiến của chị Võ Thị T, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, anh D xác định quan hệ hôn nhân giữa anh với chị T không hạnh phúc, nguyên nhân do chị T không chung thủy; phía chị T thì có lời khai xác định nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ lỗi của anh D đã bỏ bê vợ con để chung sống với người phụ nữ khác. Tại phiên tòa, anh D không thừa nhận lời trình bày của chị T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do anh không chung thủy, bỏ bê vợ con, anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; phía chị T cũng có ý kiến bằng văn bản đồng ý ly hôn với anh D, yêu cầu Tòa án không hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng chị. Qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị T đã đến mức trầm trọng, anh chị đã không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; hôn nhân không có khả năng đoàn tụ. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thái D, xử cho anh D được ly hôn với chị T.

[5] Xét yêu cầu của anh D và ý kiến của chị T về việc nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc L- sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Phương D1- sinh ngày 25/6/2015, Hội đồng xét xử nhận định: Cháu L và cháu D1 hiện nay đang sống cùng và do chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục; do đó anh D yêu cầu giao hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T cũng có ý kiến yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, yêu cầu của anh D và chị T về việc nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu L; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L và cháu D1, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh D, giao cháu L và cháu D1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị T có lời khai đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung mà anh D đã tự nguyện; do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh D về việc cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị T thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Thái D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thái D và chị Võ Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 (Hai) người con chung giữa anh Nguyễn Thái D và chị Võ Thị T là cháu Nguyễn Thị Ngọc L- sinh ngày 22/11/2009 và cháu Nguyễn Phương D1- sinh ngày 25/6/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (Hai) người con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng (*Một triệu đồng/tháng*), cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Thương có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Thái D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng số tiền án phí anh D phải chịu là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh D đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000287 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; anh D còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2019). Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến

